

Tiểu Sử

Cư sĩ Tâm Minh LÊ ĐÌNH THÁM

Nếu có dịp về Huế thăm lại tổ đình Từ Đàm, ngôi chùa lịch sử, cái nôi của Phật giáo miền Trung, chắc hẳn lòng chúng ta sẽ rung động trước hình tượng một cư sĩ được tôn trí trong sân chùa Từ Đàm, hình tượng Bác Tâm Minh Lê Đình Thám. Đó là tình cảm của Phật tử miền Trung cũng như Phật tử cả nước dành cho Bác - Một vị đã khởi xướng và thành tựu Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo miền Trung có ảnh hưởng đến Phật giáo cả nước.

Riêng về Gia Đình Phật Tử Việt Nam, Bác là người chủ xướng công cuộc giáo dục thanh thiếu nhi Phật giáo mở đầu là Đoàn Phật Học Đức Dục, sau đó là Gia Đình Phật Hóa Phổ, tiền thân của Gia Đình Phật Tử Việt nam ngày nay.

Hôm nay, khi học bài này chúng ta nhìn lại thật rõ cuộc đời của Bác, tâm nguyện và công hạnh của Bác, những viên đá đầu tiên, những viên đá vững chắc cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

I.- THÂN THỂ :

Bác Lê Đình Thám tự là Châu Hải sanh năm Đinh Dậu 1897 tại làng Đồng Mỹ (Phú Mỹ), tổng Phú Khương, Phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình nho phong. Thân phụ là Lê Đĩnh làm quan dưới triều Tự Đức với chức Đông Các Đại Học Sĩ sung chức Binh Bộ Thượng Thư và mẹ là cụ bà Phan Thị Hiệu (kế thất).

Dương thời : Thời thơ ấu bác cùng người anh là Lê Đình Dương (sau này là Đông Dương Y Sĩ) cả hai đã trực tiếp học chữ Hán với thân phụ, cả hai đều thông minh xuất chúng ngay từ thuở còn thơ. Lớn lên cả hai đều học tại các trường Pháp Việt. Trong những năm còn là học sinh hay sinh viên, Bác đã được tình cảm của cả thầy lẫn bạn và luôn luôn giành vị thứ hàng đầu trong các kỳ thi tốt nghiệp hoặc cuối cấp.

II.- SỰ NGHIỆP :

1.- Thế nghiệp :

Bác tốt nghiệp thủ khoa Đông Dương Y Sĩ khóa 1916 tại trường Cao đẳng Y khoa Đông Dương Hà Nội và Y khoa bác sĩ ngạch Pháp quốc khóa năm 1930 tại Y khoa Đại học đường Hà Nội. Ra trường vào lúc phong trào Duy Tân khởi nghĩa bị thất bại, bào huynh là Đông Dương Y sĩ Lê Đình Dương bị bắt đày lên Ban Mê Thuộc và chết tại đó. Còn Bác thì bị tình nghi theo dõi, trong suốt thời gian phục vụ tại các bệnh viện : Bình thuận, Sông cầu, Qui nhơn, Tuy hòa, Hội an (1916-1926), ngoài công tác chuyên môn, Bác chăm lo học hỏi và nghiên cứu thêm về : Nho, Lão, Phật . . . Năm 1926 phụ trách tại bệnh viện Hội An trong một dịp viếng chùa Non nước, sau những bước thấp bước cao lên từng cấp đá trong khung cảnh kỳ ảo và hùng vĩ của Ngũ Hành Sơn rộng mở, trong bầu không khí mờ ảo của một cái động mang tên Huyền Không, vào động thì có 4 câu thơ đập vào mắt Bác :

*"Bồ Đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệp phí đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai"*

Cái chơn không huyền diệu làm sao, tâm hồn mẫn tiệp của Bác đã rung động trước bốn câu kệ bất hủ của Lục Tổ Huệ Năng. Giây phút gặp gỡ kỳ thú đầu tiên của Bác và Huế

Năng, chẳng khác nào cái sát na thời gian của người gánh củi Tân châu lặng nghe : "*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*" trước một khách điếm năm nào.

Tiếp đó được tin nhà cách mạng Phan Chu Trinh từ trần tại Sài Gòn. Bác cùng một số thân hào nhân sĩ, công chức, trí thức Quảng Nam tổ chức lễ truy điệu trọng thể và thọ tang cụ Phan. Một tháng sau Bác được lệnh đi Hà Tĩnh. Năm 1926 được chuyển về làm Y sĩ trưởng tại viện bào chế và vi trùng học Pasteur, cộng tác với Bác sĩ Normet, Giám đốc y tế Trung phần phát minh ra : "Sérum - Normet", được Y giới Pháp Việt đương thời rất trọng vọng. Năm 1933 phụ trách Y sĩ Giám đốc Bệnh viện Bãi lao Huế, Bác là một danh y uy tín nhất tại Đế đô.

Năm 1945 sau cuộc đảo chánh Nhật, chính phủ Trần Trọng Kim mời Bác giữ chức vụ Giám đốc Y tế Trung phần, kiêm Giám đốc Bệnh viện Huế.

2.- Đạo nghiệp :

Cũng năm ấy Bác lên chùa Trúc Lâm gặp Hòa Thượng Giác Tiên để thỉnh giáo về thâm nghĩa của hai mươi chữ ngạn ngữ đã khắc sâu vào tâm Bác như một công án thiền sư. Cuộc hội ngộ đã khiến bác đề đầu quy y với Phật, với Pháp, với Tăng, mà Hòa thượng Giác Tiên chùa Trúc Lâm là Bổn sư, với pháp danh Tâm Minh rất xứng hợp với tấm lòng trong sáng của Bác.

Năm 1929 - 1932 ba năm liền thọ giáo với Hòa thượng Phước Huệ một nhà Phật học uyên thâm tại chùa Thập Tháp Bình Định. Tiếp cận với các nhà thiện tri thức thời bấy giờ. Bác cũng đã tiếp cận với phong trào chấn hưng Phật giáo Châu Á do Ngài Thái Hư đại Sư khởi xướng ở Trung Hoa qua tạp chí "Hải Triều Âm", Bác lại giật mình trước tình trạng : Phật giáo Việt nam đang ngủ mê sau các thời kỳ hưng thịnh : Đinh , Lê, Lý, Trần. Quý vị Hòa thượng nhận thấy nơi Bác một đệ tử nhiệt thành, một đệ tử đáng tin cậy, một đệ tử có căn cơ sẵn thiệp để giao phó trách nhiệm, Bác sẵn sàng nhận lãnh y chỉ của các Hòa thượng : Phước Huệ, Giác Tiên, Giác Nhiên, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết, đứng ra triệu tập 18 vị hạp Hội đồng dự thảo điều lệ xin thành lập Hội An Nam Phật Học, đặt trụ sở đầu tiên tại chùa Trúc Lâm do Bác làm Hội trưởng dưới sự chứng minh sáng lập của quý Hòa thượng nói trên và Bác bắt đầu thuyết pháp tại các chùa Từ Quang, Trúc Lâm, Tây Thiên, Từ Đàm, Diệu Đế giảng kinh luận tại tư thất cho một số tín hữu nhiệt tâm cầu đạo (*Quý Hòa thượng Giải Ngạn, Sư Bà Diệu Không, Hòa Thượng Minh Châu lúc chưa xuất gia đều được nối tiếp đào tạo trong các khóa giảng này*).

Về Phật sự: Khởi công trùng tu chùa Từ Đàm trụ sở trung ương của Hội.

Lễ Phật Đản đầu tiên được cử hành vô cùng trọng thể tại chùa Diệu Đế gây ảnh hưởng lớn lao trong mọi giới.

Chủ trương xuất bản nguyệt san Viên Âm cơ quan ngôn luận và truyền bá giáo lý của Hội do Bác chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Thiết lập cơ sở đào tạo tăng tài : Cấp Trung Tiểu học tại chùa Bảo Quốc do Hòa Thượng Trí Độ làm Đốc giáo (*quý Hòa thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa, Thiện Siêu, Trí Quang, Thiện Minh, Trí Tịnh, Nhật Liên đều xuất thân tại trường này*). Cấp Đại học tại chùa Tây Thiên do chính Bác phụ trách giảng dạy về luận học và triết học, Đông Tây (*quý Hòa thượng Đôn Hậu, Trí Thủ, Mật Hiển, Mật Nguyễn, Mật Thể đều xuất thân tại trường này*).

Xúc tiến thành lập các Tỉnh hội, chi hội, khuông hội khắp nơi tại Trung phần, mở đầu là Tỉnh hội Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam . . .

Năm 1934 tuy việc chuyên môn, việc Hội, việc báo chí, việc Phật học viện rất bề bộn nhưng Bác không bao giờ xao lãng sự học, sự tu và sở trường của bác là giảng diễn Phật pháp, chính nhờ lối giải thích, trình bày Phật pháp một cách sáng sủa, hợp căn cơ của Bác mà một số

đông, cự học cùng tân học, bình dân cũng như trí thức đã hiểu đạo Phật rất mau chóng và đúng đắn, Bác thật xứng đáng là một vị Pháp sư cư sĩ, vừa tạng thông, vừa thuyết thông khéo đưa Phật pháp ra giữa ánh sáng như đưa viên ngọc quý ra khỏi thế lực vô minh đang vùi lấp.

Mùa Đông 1934 Hòa thượng Giác Tiên viên tịch, ý thức được trách nhiệm hoằng dương Chánh pháp và duy trì sinh hoạt Giáo hội, nên trong lời ai điếu Hòa Thượng bốn sư, Bác đã phát nguyện đồng mãnh như sau :

- Kiến tướng nguyện vọng, kiến tánh nguyên chơn, viên giác diệu tâm ninh hữu ngã.
- Chánh pháp linh truyền, chúng sanh linh độ, thừa dương di huấn khởi vô nhân.

Dịch : *Tướng các pháp tuy vọng, tánh các pháp vốn chơn. Hòa thượng đâu có mất, Chánh pháp cần phải truyền, chúng sanh cần phải độ, lời di huấn đó con xin nguyện gánh vác.*

Năm 1935 để thích ứng với nhu cầu tiến triển của Hội, bản điều lệ của Hội được tu chỉnh qua quyết nghị của Đại Hội Đồng một Ban Tổng trị sự được thành lập tại Huế, trực tiếp điều hành các Tỉnh hội và năm nào Bác cũng được Đại hội tín nhiệm công cử vào chức vụ Hội trưởng hoặc Cố vấn để điều hành Phật sự chung.

Hội đặt trụ sở tại chùa Trúc Lâm, những Tỉnh hội, chi hội, khuông hội theo gương Tỉnh hội Thừa Thiên tổ chức nhanh chóng nhiều nơi ngoài sự tưởng tượng và mong ước của các vị Hòa thượng và giáo phẩm Phật giáo. Một Ban Tổng trị sự được hình thành để điều hành công việc. Bác lại đứng ra vận động trùng tu tổ đình Từ Đàm để làm trụ sở hoạt động của Hội.

Mùa thu năm ấy (1935), bác quy tụ một số thanh niên Phật tử trí thức thành lập Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục, sáng lập Gia Đình Phật Hóa Phổ, tiền thân của Gia Đình Phật Tử ngày nay, nhằm duy trì đào tạo xây dựng chánh tín cho đàn hậu thế.

Tạp chí Viên Âm "tiếng nói tròn đầy" đã đi rất nhanh, không chỉ ở trong nước khắp ba miền Trung, Nam, Bắc mà còn lan rộng ra nước ngoài, ngày nay lật lại từng trang Viên âm cũ kỹ nhiều người đã sửng sốt trước những bài giảng, trước những bài luận thuyết sâu sắc kể cả phần văn chương lẫn phần nội dung. Công đức này quả thật là vĩ đại khi chúng ta nhìn bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội, kỹ thuật 60 năm về trước của đất nước Việt Nam lạc hậu và bị trị này.

Song song với Viên Âm cơ quan ngôn luận hoằng dương chánh pháp, một công trình vĩ đại khác đã thực hiện với tất cả tâm huyết và nỗ lực phi thường. Đó là công việc đào tạo tăng tài, đào luyện những vị giảng sư, những vị trụ trì, những tăng sĩ chuyên ngành giáo dục để giữ gìn mối và phát triển Hội. Chùa Bảo Quốc, Chùa Tây Thiên, chùa Diệu Đức trở thành những Phật học đường, những trường Đại học Phật giáo. Những học tăng đầu tiên của Trung học Phật giáo đã tạo dựng sự nghiệp Phật giáo đầu tiên như thế nào trong mấy mươi năm nay cũng đủ cho chúng ta thấy kết quả to lớn Phật học đường, về phần cư sĩ thì có Đinh Văn Nam (tức HT Minh Châu) bà Cao Xuân Sang (tức Sư bà Diệu Không), Võ đình Cường, Đinh Văn Vinh, Nguyễn hữu Quán, Phạm hữu Bình, những thanh niên ưu tú sau khi nghe những bài pháp của Bác đã đến với Đoàn Phật Học Đức Dục. Chùa có, thầy có, cơ quan đào tạo tăng tài có, hội hữu càng ngày càng đông, tín đồ càng ngày càng nhiều, bác đã nghĩ đến công cuộc tiếp dẫn hậu lai.

Năm 1938, trong kỳ Tổng Hội đồng chính thức đầu tiên Hội An nam Phật học ngày 14 tháng 8, Bác đã đồng đạc gióng lên tiếng chuông : "**Không có gì thành tựu vững bền nào lại không nhắm đến hàng ngũ Thanh Thiếu niên. Họ là những người tiếp nối chúng ta trong ngày mai. . .**"

Rõ ràng tâm niệm của Bác không khác gì nhân duyên thứ 10 của Ngài Thật Hiền trong Phát Bồ Đề tâm văn. Và đó cũng là đại nguyện thứ hai của Hoàng hậuThắng Man Đại Phương

Quảng. Điều này đã được ghi trong diễn văn bế mạc hội nghị tường trình sinh hoạt của Hội, điều mà Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam không thể không biết đến. Nếu cần có một văn kiện nào để chứng minh sự có mặt của chúng ta trong cộng đồng Giáo hội thì đó cũng là cơ sở của một văn kiện lập quy mà Bác Lê Đình Thám đã để lại cho chúng ta như một lời di huấn.

Ngoài ra theo gương Phật giáo Trung Hoa qua nhiều năm nghiên cứu kế hoạch và vận động phương tiện, quyết tâm xây dựng nền móng vĩnh cửu cho cơ sở đào tạo Tăng.

Tối năm 1944 Bác sắp xếp di chuyển các Phật học viện lên thiết trí tại Kim Sơn, thành lập Tông lâm Kim Sơn (Huế) nhưng thời cuộc không cho phép công tác đành tạm ngưng sau hai năm hoạt động.

Nhờ công đức của Bác vừa tài thí, vừa pháp thí mà duy trì được nguyệt san Viên Âm, Hội An Nam Phật Học và Phật Học Viện đã vượt qua mọi thăng trầm vất vả, mọi chướng ngại thế gian, gây được một thanh thế lớn giữa phong trào phục hưng Phật giáo, phục hưng văn hóa dân tộc, kích động Phật giáo Nam, Bắc đưa Phật giáo nước ta từ chỗ quên lãng đến địa vị như ngày nay.

III.- TINH THẦN PHỤC VỤ ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC TRONG QUẢNG ĐỜI CUỐI CÙNG CỦA BÁC

Mùa Đông 1946 chiến tranh chống Pháp giành độc lập bùng nổ, dân chúng Huế tản cư, Bác cùng gia đình cũng tản cư về nguyên quán Quảng Nam. Đáp lời kêu gọi củ non sông, Bác tham gia kháng chiến liên khu V. Với tinh thần phục vụ Dân tộc, phục vụ Đạo pháp, trong lúc tham gia kháng chiến Bác cũng vận động quy tụ một số Phật tử củ để thành lập phong trào "Phật giáo và dân chủ mới" tại Bồng Sơn Bình Định.

Mấy năm sau, năm 1949 mùa hạ, bác được điện mời ra Hà Nội. Bác lãnh trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới của Việt Nam và ủy viên Hội đồng Hòa bình thế giới. Môi trường mới, xã hội mới, nhân tâm cũng đổi mới, nhưng tâm nguyện của Bác không thay đổi, bác tiếp tục diễn giảng, phiên dịch Phật pháp và hoàn thành Bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm đã bỏ dở trong các tập san Viên âm trước khi tản cư.

Năm 1961 việc phiên dịch thành tựu và Thủ Lăng Nghiêm kinh được in ra vào mùa xuân năm ấy (năm Tân Sửu) tại chùa Quán Sứ Hà Nội.

Sau khi kinh Lăng Nghiêm được ấn hành thì Bác chuyên tham thiền, trì kinh niệm Phật. Trước ngày thị tịch Bác đã mời Hòa thượng Đôn Hậu đến để ôn lại những hoạt động cũ, rồi yêu cầu hòa Thượng thuyết một thời kinh. Hòa thượng đã nói về Vô thường, Vô ngã. Sau đó Bác đã thị tịch một cách bình thản.

Bác đã vĩnh viễn ra đi ngày 07 tháng 3 năm Kỷ Dậu (tức ngày 23.4.1969) để lại những công trình lớn lao đối với Phật giáo Việt Nam và đối với nền giáo dục Thanh Thiếu Nhi.

IV.- THAY PHẦN KẾT LUẬN

Để thay phần kết luận, chúng ta hãy lắng lòng tĩnh tâm tưởng niệm Bác (*tất cả yên lặng theo dõi hơi thở - Giảng viên đọc lại đoạn sau đây rất thông thả*) : Kính thưa Bác, chắc Bác đâu có ngờ rằng lời phát biểu về giáo dục Thanh thiếu niên vang dội từ chùa Từ Đàm năm, 1938, chúng con tiếp nhận như một di huấn thiêng liêng. Ngọn đèn tâm của Bác được thắp sáng và truyền tiếp cho ngọn đèn tâm của chúng con, mỗi lần đứng trước di ảnh của Bác, thành tâm dâng lễ Bác, ngọn đèn tâm của chúng con lại bùng cháy lên, chúng con nguyện sẽ là những ngọn Vô tận đăng tiếp nối, cho dù phải tiếp tục đối đầu với bão táp mưa sa, với những cơn gió lốc hải hùng của thời đại, xin Bác chứng minh.